

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TÂN PHƯỚC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày 07-5-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo

2. Ông Lê Văn Thương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST-DS ngày 25-01-2024, về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST - DS ngày 23-4-2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Thanh L, sinh năm 1966; địa chỉ: Số A, P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Tăng Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (văn bản uỷ quyền ngày 23-01-2024) (có mặt).

- **Bị đơn:**

1/ Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1962 (vắng mặt);

2/ Bà Phan Thị C, sinh năm 1966 (có mặt);

Cùng địa chỉ: khu phố B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15-01-2024, nguyên đơn ông Trần Thanh L và tại biên bản Toà án hoà giải ngày 15-3-2024, người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Thanh L là ông Tăng Văn H trình bày:

Vào ngày 12-6-2022, ông L có cho vợ chồng ông Huỳnh Văn D, bà Phan Thị C vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), có làm biên nhận, lãi

suất hai bên thoả thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Khi vay, ông D, bà C có thể chấp cho ông L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01164 ngày 23-7-2019 do ông Huỳnh Văn D đứng tên. Sau khi vay, ông D, bà C không trả lãi cho ông L, ông L đã nhiều lần yêu cầu ông D, bà C trả tiền lãi và vốn cho ông L nhưng ông D, bà C không thực hiện.

Ông L yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc vợ chồng ông D, bà C liên đới trả cho ông L số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày vay (ngày 10-6-2022) đến ngày Toà án xét xử, tạm tính đến ngày 15-01-2024 là 19 tháng, tiền lãi là 31.540.000 đồng. Tổng cộng buộc ông D, bà C liên đới trả cho ông L tiền vốn và lãi là 131.540.000 đồng (*một trăm ba mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Tại bản khai ngày 11-3-2024 và tại biên bản Toà án hoà giải ngày 15-3-2024, bị đơn Huỳnh Văn D, bà Phan Thị C trình bày :

Vợ chồng ông bà không có vay tiền của ông Trần Thanh L. Ông bà có cho ông Lê Văn T (là cháu ruột kêu bà C bằng dì) mượn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01164 ngày 23-7-2019 do ông Huỳnh Văn D đứng tên để ông T thế chấp cho ông L vay số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), lãi suất mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Ông T kêu ông bà ký tên vào biên nhận ngày 10-6-2022 vay của ông L 100.000.000 đồng, do ông T viết trước, ông bà có ký tên vào biên nhận, không có đọc lại nội dung, không có nhận tiền, việc giao nhận tiền là do ông T nhận từ ông L. Ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; bị đơn ông Huỳnh Văn D, bà Phan Thị C cư trú tại huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn Huỳnh Văn D: ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông D.

[3]. Về nội dung vụ án: Theo ông L trình bày, số tiền 100.000.000 đồng là do ông L cho ông D, bà C vay. Khi vay, ông D, bà C có thể chấp cho ông L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 780, tờ bản đồ số 04, diện 60m², địa chỉ tại khu phố D (nay là khu phố B), thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01164 ngày 23-7-2019 do ông Huỳnh Văn D đứng tên. Ông D, bà C thì cho rằng số tiền 100.000.000 đồng là do ông Lê Văn T (là cháu ruột kêu bà C bằng dì) vay, ông bà không có vay tiền của ông L. Ông L không thừa nhận, ông D, bà C không có chứng cứ gì chứng minh số tiền trên là do ông T vay, mặt khác bà C cho rằng hiện nay ông T đã bỏ địa phương đi, không biết đi

đâu. Hội đồng xét xử xác định ông D, bà C có vay của ông L số tiền 100.000.000 đồng như ông L đã trình bày.

[4]. Xét yêu cầu của ông L yêu cầu ông D, bà C trả cho ông số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10-6-2022 đến ngày Tòa án xét xử là có là có căn cứ, phù hợp với các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi mà ông D, bà C phải trả cho ông L được tính như sau: Từ ngày 10-6-2022 đến nay là 23 tháng, mức lãi suất là 1,66%/tháng, tiền lãi là 38.180.000 đồng (100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 23 tháng = 38.180.000 đồng).

[5]. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông D, bà C liên đới trả cho ông L số tiền vốn gốc và tiền lãi là 138.180.000 đồng (100.000.000 đồng + 38.180.000 đồng = 138.180.000 đồng).

[6]. Ông D, bà C cho rằng số tiền 100.000.000 đồng nêu trên là do ông T vay, ông bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông L là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của ông D, bà C.

[7]. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 780, tờ bản đồ số 04, diện 60m², địa chỉ tại khu phố D (nay là khu phố B), thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01164 ngày 23-7-2019 do ông Huỳnh Văn D đứng tên, ông L đồng ý trả lại cho ông D, bà C, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8]. Về án phí: Ông D, bà C có đơn xin miễn án phí do thuộc diện hộ nghèo, Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông D, bà C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật Dân sự, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh L.

1. Buộc ông Huỳnh Văn D và bà Phan Thị C liên đới trả cho ông Trần Thanh L số tiền 138.180.000 đồng (*một trăm ba mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*).

2. Ghi nhận ông Trần Thanh L trả lại cho ông Huỳnh Văn D, bà Phan Thị C 01 (*một*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 780, tờ bản đồ số 04, diện 60m², địa chỉ tại khu phố D (nay là khu phố B), thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01164 ngày 23-7-2019 do ông Huỳnh Văn D đứng tên.

3. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Huỳnh Văn D, bà Phan Thị C.
- H1 lại cho ông Trần Thanh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.288.000 đồng (*ba triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003163 ngày 19-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Ông L, bà C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- + NĐ: (01);
- + BĐ: (02);
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thanh Liêm